

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được thay thế giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1193/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; thủ tục hành chính nội bộ thay thế giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 508/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được thay thế giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ số thứ tự 01, 02 mục I phần I và các nội dung cụ thể tương ứng của thủ tục hành chính tại phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát, cập nhật Quyết định này và các thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (<https://csdl.dichvucong.gov.vn>).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG  
GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh mới ban hành**

STT	Tên TTHC nội bộ	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.	Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường). - Chi cục Thủy lợi (đối với công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương).

**2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh được thay thế**

STT	Tên TTHC nội bộ được thay thế (TTHC cũ)	Tên TTHC nội bộ thay thế (TTHC mới)	Căn cứ pháp lý quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc	Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15.	Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	<p>trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>	<p>trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.</p>	<p>- Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Điều 2, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.</p>		
	<p>Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>				

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**  
**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ**  
**NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG**  
**NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

**1. Thủ tục: Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi**

**1. Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Trong quá trình xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn bản lấy ý kiến Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chi cục Thủy lợi theo Mẫu số 04b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc lấy ý kiến nội bộ trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương.

- *Bước 2:* Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chi cục Thủy lợi cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư theo Mẫu số 04c ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**2. Cách thức thực hiện:** Xin ý kiến bằng văn bản.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi theo Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền, trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

+ Hoặc Chi cục Thủy lợi (trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương).

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư số 04c Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Trong quá trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đối các dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến bằng văn bản.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Mẫu số 04b.** Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi  
(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung  
tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm .....

V/v lấy ý kiến xả nước thải  
vào công trình thủy lợi để phê  
duyet kết quả thẩm định báo  
cáo ĐTM của dự án (2)

Kính gửi: (3)

Thực hiện quy định về việc lấy ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, (1) gửi đến (3) thông tin về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án (2), cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:..... m<sup>3</sup>/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

Đề nghị quý Cơ quan có ý kiến bằng văn bản và gửi về (1) (nếu chi tiết địa chỉ liên hệ) trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này. Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: ....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của  
cơ quan, tổ chức)

**Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.

**Mẫu số 04c.** Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

*(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm .....

V/v phê duyệt kết quả  
thẩm định báo cáo ĐTM  
của dự án (2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) về việc lấy ý kiến về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét, (1) có ý kiến về các nội dung cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất m<sup>3</sup>/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

**Kết luận:** Đồng thuận về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi; trường hợp không đồng thuận, (1) nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý.

Trên đây là ý kiến của (1), kính gửi (3) để xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**2. Thủ tục: Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (viết tắt là Kế hoạch).

Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch.

- *Bước 2:* Lập Kế hoạch.

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn lập Kế hoạch.

- *Bước 3:* Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh với dự thảo Kế hoạch.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

- *Bước 4:* Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện Kế hoạch theo ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- *Bước 5:* Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch.

- *Bước 6:* Công bố Kế hoạch.

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố Kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Dự thảo Kế hoạch.

- Báo cáo tóm tắt Kế hoạch.

- Báo cáo tổng hợp Kế hoạch.

- Bản đồ các điểm ô nhiễm, khu vực ô nhiễm (nếu có).

- Bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

Số lượng hồ sơ: Bản điện tử và 01 bản giấy.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
  - Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15.
  - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
  - Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
  - Điều 2, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.
-